TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **126/**2025/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trang Văn Hai

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1407/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 127/2025/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1979.

Địa chỉ thường trú: C, khu phố M, phường L, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: C, khu phố M, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên hệ: A, khu phố M, phường L, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: A, khu phố M, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

- *Bị đơn:* Ông **Lê Văn B**, sinh năm 1972.

Địa chỉ thường trú: C, khu phố M, phường L, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: C, khu phố M, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Sau thời gian quen biết và tìm hiểu, bà và ông Lê Văn B phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Năm 2007, bà và ông B tự nguyện đăng ký

kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 203/KH/TP, quyển số 01 ngày 11/10/2007.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận. Nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai đã cố gắng khắc phục để tiếp tục cuộc sống hôn nhân nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và gay gắt. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Ông B thường xuyên chửi bới, đánh đập bà, gây ảnh hưởng đến tâm lý của bà và các con chung nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay; vợ chồng không còn sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau.

Nay bà xác định không còn tình cảm với ông B, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Lê Văn B.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/7/2008 và Lê Thiên H1, sinh ngày 17/02/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai con chung cho bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục vì hiện nay hai cháu đang sống cùng với bà, phát triển tốt về mọi mặt. Bà không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì bận công việc nên bà xin vắng mặt trong các phiên tòa xét xử của Tòa án.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không chấp hành theo đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn với ông Lê Văn B.

- Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/7/2008 và Lê Thiên H1, sinh ngày 17/02/2014 cho bà Ng trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời ông B không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Ng phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Ng khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Lê Văn B đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ: C, khu phố M, phường L, tỉnh Đồng Nai (địa chỉ cũ: C, khu phố M, phường N, thành phố H, tỉnh Đồng Nai), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn ông Lê Văn B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Lê Văn B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Ủy ban nhân dân phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 203/KH/TP, quyển số 01 ngày 11/10/2007, nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Ng kiên quyết yêu cầu được ly hôn với ông B với lý do hiện nay không còn tình cảm với ông B; trong thời gian chung sống, vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau; cuộc sống hôn nhân thường xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc; ông B thường xuyên chửi bới, đánh đập bà Ng. Hiện nay vợ chồng bà sống ly thân từ tháng 02/2025 đến nay, không có khả năng hòa giải đoàn tụ. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai cũng thể hiện ông B là người nghiện ma túy nên vợ và con không ở chung. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông B để làm việc, hòa giải nhưng ông B vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông B đã bỏ mặc,

không mong muốn hòa giải để hàn gắn, níu kéo tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với bà Ng. Từ những căn cứ trên, xét hôn nhân giữa bà Ng và ông B lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ng yêu cầu ly hôn với ông B là có cơ sở. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng, cho bà Ng được ly hôn với ông Lê Văn B.

[2.2] Về con chung: Bà Ng và ông B có hai con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/7/2008 và Lê Thiên H1, sinh ngày 17/02/2014. Bà Ng xin được nuôi cả hai con chung, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Hiện nay cháu H và cháu H1 đang sống cùng với mẹ, phát triển tốt về mọi mặt. Hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông B không có ý kiến về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung; không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng và điều kiện nuôi con. Bà Ng hiện có công việc, thu nhập, nơi ở ổn định đảm bảo chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung. Để đảm bảo cho việc phát triển tốt nhất về thể chất, tâm lý của các con chưa thành niên khi cha mẹ ly hôn, không chia rẽ tình cảm anh em; Hội đồng xét xử xét thấy giao cả hai cháu H và cháu H1 cho bà Ng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông B do bà Ng không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 220, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 11 và 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ng về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với ông Lê Văn B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Ng được ly hôn với ông Lê Văn B.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Nguyễn Gia H, sinh ngày 14/7/2008 và Lê Thiên H1, sinh ngày 17/02/2014 cho bà Nguyễn Thị Ng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời ông Lê Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ng phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007608 ngày 20/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đồng Nai). Bà Nguyễn Thị Ng đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 1 - Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 1 - Đồng Nai;
- UBND phường Long Bình, tỉnh Đồng Nai (GCNKH số 203/KH/TP ngày 11/10/2007);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Thị Kim Thoa